

Bản án số: 408 /2019/DS-PT
Ngày 12 tháng 9 năm 2019
“V/v: Tranh chấp đòi tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Văn

Các Thẩm phán: Ông Đặng Quốc Khởi

Bà Trần Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Diệu Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Út - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 206/2018/TLPT- DS ngày 08 tháng 4 năm 2019 về việc: “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do có kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn đối với bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1905/2019/QĐXX-PT ngày 14 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Phùng Ốc K**, sinh năm 1926. (chết ngày 07/12/2011)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông K:

1.1. Bà **Trương Tú Nh**, sinh năm 1969;

Địa chỉ: đường A, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Bà **Phùng Tú H**, sinh năm 1964;

Địa chỉ: S, 9281 - C Ave, Wr, CA 92683, USA.

1.3. Ông **Phùng Văn Ngh**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: CAve, WCA 92683, USA

1.4. Anh **Trương Văn Tr**, sinh năm 1965;

Địa chỉ: C Ave, W, CA 92683, Hoa Kỳ.

1.5. Chị **Trương Tú M**, sinh năm 1967;

Địa chỉ: S Ct, S, CA 92126, USA.

Người đại diện theo ủy quyền của Phùng Văn Ngh, Trương Văn Tr, Trương Tú M, Phùng Tú H có bà Trương Tú Nh, sinh năm 1969; Nơi cư trú: đường A, phường 11, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh, có mặt. (Theo văn bản ủy quyền ngày 24/5/2004 và ngày 15/9/2017) (vắng mặt)

2. *Bị đơn*: Bà **Trương Ngọc L**, sinh năm 1950;

Địa chỉ: Nơi cư trú: ấp A1, xã M, huyện M1, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Có ông **Nguyễn Ngọc Th**, sinh năm 1966; Nơi cư trú: đường 8/3, phường 5, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, có mặt. (Theo giấy ủy quyền được công chứng ngày 14/02/2019)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1949; (có mặt)

Nơi cư trú: đường M3, Phường 3, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

3.2. **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long** (Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Tại đơn khởi kiện ngày 06/3/2003 của nguyên đơn ông Phùng Ốc K và tại đơn khởi kiện bổ sung của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Trương Tú Nh, Phùng Tú H, Phùng Văn Ngh, Trương Văn Tr, Trương Tú M có bà Trương Tú Nh làm đại diện trình bày:*

Vào năm 1976 bà Trương Thị H có sang nhượng đất của bà Nguyễn Thị L1 2.500m² đất lúa và 2.000m² đất vườn tọa lạc tại ấp A1, xã M, huyện M1, tỉnh Vĩnh Long. Khi mua đất trên đất có một số cây tạp. Năm 1977 bà H cho người em ruột là Trương Ngọc L về trông coi và giữ đất. Đến năm 1978 bà H xây dựng một căn nhà cấp 4 xây tường, mái lợp ngói, nền gạch bông trên đất, năm 1981 bà H đầu tư xây dựng lò gạch và lán trại và giao cho bà L trông coi. Năm 1992 bà H đặt tên cơ sở lò gạch là V1. Năm 1990-1994 bà L cho rằng làm ăn không có hiệu quả nên không đưa tiền kinh doanh lò gạch cho bà H mà giữ lại để xây dựng thêm lò gạch, lán trại. Khi kê khai đăng ký cấp quyền sử dụng đất bà L cho rằng do bà H có hộ khẩu ở Thành phố Hồ Chí Minh nên không đăng ký kê khai cấp quyền sử dụng được nên bà L đứng tên kê khai. Năm 1999 bà H biết được bà L thành lập doanh nghiệp và đứng tên, lúc này bà L có hứa khi bà H trị bệnh xong về sẽ đổi tên lại cho bà H nhưng đến tháng 7 năm 2000 bà H chết. Sau khi bà H chết, ông Phùng Ốc K là chồng bà H nhiều lần đòi bà L giao

trả lại tài sản là quyền sử dụng đất.

- *Bị đơn bà Trương Ngọc L có ông Nguyễn Ngọc Th trình bày:* Các thửa đất số 24, 25, 26 có diện tích 5.768m² tọa lạc tại ấp A1, xã M, huyện M1 có nguồn gốc là của bà L nhận chuyển nhượng của bà L1 vào năm 1976. Lúc này Nhà nước không cho chuyển nhượng đất nên bà L1 có lập giấy tờ nhượng đất cho bà L. Sau đó bà L thực hiện việc kê khai đăng ký quyền sử dụng đất. Diện tích đất có tăng hơn là do bà L có lấn ra bãi bồi. Năm 1977 bà L làm đơn xin cất nhà và được chính quyền địa phương chấp thuận. Sau đó bà L thuê ông Ph xây dựng nhà cho bà L. Năm 1996 bà L được cấp sổ hữu nhà. Đối với lò gạch: Vào năm 1981 bà L làm đơn xin làm lò gạch, do Nhà nước không cho cá nhân đứng tên lò gạch nên bà L nhờ các anh chị em đứng tên thành lập tổ hợp lò gạch. Tháng 6 năm 1982 bà L lấy tên cơ sở lò gạch V1. Toàn bộ chi phí xây dựng lò gạch là do bà L bỏ tiền ra để xây dựng. Năm 1991 bà L tháo dỡ lò gạch và xây dựng lại lớn hơn và cất thêm trại gạch. Đến năm 1999 bà L cho ông H thuê cơ sở lò gạch, thời hạn thuê là 10 năm, đến năm 2009 hết thời hạn hợp đồng thuê lò gạch. Hiện nay bà L đã nhận lại lò gạch và đang quản lý sử dụng. Đến ngày 05/01/2018 bà Trương Ngọc L có “đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” được Ủy ban nhân dân xã A2, huyện M1 xác nhận cùng ngày 05/01/2018 đồng ý cho cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo số liệu bản đồ địa chính chính quy; ý kiến của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M1 ngày 31/01/2018 đủ điều kiện cấp đổi theo Điều 76 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP. Thửa đất 24 thành thửa mới 534 giảm 15,4m² đất; thửa đất 59 thành thửa mới 196 giảm 124m² đất; thửa đất 25 thành thửa mới 169 tăng 98,8m² đất theo bản đồ địa chính chính quy. Đến ngày 07/02/2018 bà Trương Ngọc L được Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận: số CI 962544 thửa số 534 tờ bản đồ số 5 diện tích 2.794,6m² mục đích sử dụng: đất sản xuất vật liệu xây dựng làm đồ gốm; số CI 962545 thửa số 196 tờ bản đồ số 5 diện tích 1.276,0m² mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm; số CI 962546 thửa số 169 tờ bản đồ số 5 diện tích 738,8m² mục đích sử dụng: đất ở 300m² đất trồng cây lâu năm 438,8m²; các thửa đất đều tọa lạc tại ấp A1, xã M, huyện M1, tỉnh Vĩnh Long.

Bà L không chấp nhận trả lại đất theo yêu cầu của nguyên đơn và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của nguyên đơn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn H trình bày:* Vào năm 1999 ông H thuê cơ sở lò gạch của bà L, thời điểm này cơ sở của bà L có hai lò gạch và hai lán trại. Thời hạn thuê là 10 năm. Đến năm 2009 hết hạn thuê lò gạch nên ông H giao trả lại cơ sở lò gạch cho bà L. Hiện nay ông H không còn liên quan đến việc sử dụng đất đang tranh chấp giữa gia đình ông Phùng Ốc K với bà Trương Ngọc L.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long có ý kiến:* Thửa đất số 24, diện tích 2.810m² loại đất xây dựng, tờ bản đồ số 1 do bà Trương Ngọc L kê khai đăng ký và được Ủy ban nhân dân

tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận số D 0705912 ngày 16/11/1995. Thửa đất số 59, diện tích 1.400m² loại đất ruộng 2 vụ lúa, tờ bản đồ số 1 do bà Trương Ngọc L kê khai đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện M1, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận số C 009896 ngày 06/10/1993. Thửa đất số 25, diện tích 640m² loại đất thổ quả; tờ bản đồ số 1 do bà Trương Ngọc L kê khai đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện M1, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận số D 0705805 ngày 31/4/1995. Ngày 05/01/2018 bà Trương Ngọc L có “đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” được Ủy ban nhân dân xã A2, huyện M1 xác nhận cùng ngày 05/01/2018 đồng ý cho cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo số liệu bản đồ địa chính chính quy; ý kiến của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện M1 ngày 31/01/2018 đủ điều kiện cấp đổi theo Điều 76 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP: Thửa đất 24 thành thửa mới 534 giảm 15,4m² đất; thửa đất 59 thành thửa mới 196 giảm 124m² đất; thửa đất 25 thành thửa mới 169 tăng 98,8m² đất theo bản đồ địa chính chính quy. Đến ngày 07/02/2018 bà Trương Ngọc L được Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận: số CI 962544 thửa số 534 tờ bản đồ số 5 diện tích 2.794,6m² mục đích sử dụng: đất sản xuất vật liệu xây dựng làm đồ gốm; số CI 962545 thửa số 196 tờ bản đồ số 5 diện tích 1.276,0m² mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm; số CI 962546 thửa số 169 tờ bản đồ số 5 diện tích 738,8m² mục đích sử dụng: đất ở 300m² đất trồng cây lâu năm 438,8m²; các thửa đất đều tọa lạc tại ấp A1, xã M, huyện M1, tỉnh Vĩnh Long. Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trương Ngọc L ngày 07/02/2018 là thực hiện đúng Điều 76 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP Ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số thi hành một số điều của Luật đất đai.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DSST ngày 22/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Phùng Văn Ngh, Phùng Tú H, Trương Văn Tr, Trương Tú M, Trương Tú Nh là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn do bà Trương Tú Nh làm đại diện.

Buộc bà Trương Ngọc L trả cho Phùng Văn Ngh, Phùng Tú H, Trương Văn Tr, Trương Tú M, Trương Tú Nh do bà Trương Tú Nh đại diện giá trị đất bằng tiền các thửa đất 196 diện tích 1.276m² mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm; thửa 169 diện tích 738,8m² mục đích sử dụng đất ở nông thôn - trồng cây lâu năm; thửa 534 diện tích 2.794,6m² mục đích sử dụng đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm các thửa đất cùng thuộc tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp A1 xã M, huyện M1, tỉnh Vĩnh Long, tổng cộng là: 2.404.700.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm lẻ bốn triệu bảy trăm ngàn đồng).

- Công nhận cho bà Trương Ngọc L được sử dụng thửa đất 196 diện tích 1.276m² mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm; thửa 169 diện tích 738,8m² mục đích sử dụng đất ở nông thôn - trồng cây lâu năm; thửa 534 diện tích 2.794,6m² mục đích sử dụng đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm. Các

thửa đất cùng thuộc tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp A1 xã M, huyện M1, tỉnh Vĩnh Long. Trên đất có gắn các tài sản của bà L gồm: Nhà làm việc, nhà ở công nhân, nhà ở (hiện làm kho), lò gạch 1,2, lò gạch 3,4,5, kho trấu, nhà sản xuất. (Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất lập ngày 10/9/2018-Bút lục 823).

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Trương Tú Nh yêu cầu Tòa án giải quyết hủy 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 07/02/2018 cho bà Trương Ngọc L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa 534 diện tích 2.794,6m² tờ bản đồ số 5 loại đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm; thửa 169 diện tích 738,8m² tờ bản đồ số 5 loại đất ở, đất trồng cây lâu năm; thửa 196 diện tích 1.276,0m² tờ bản đồ số 5 loại đất trồng cây lâu năm cùng tọa lạc tại ấp A1, xã M, huyện M1, tỉnh Vĩnh Long;

Án sơ thẩm còn tuyên chi phí đo đạc, thẩm định, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 23/01/2019 bà Trương Tú Nh kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm, yêu cầu hủy 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, buộc bà L giao trả lại đất.

Ngày 01/2/2019 bà Trương Ngọc L kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm không đồng ý trả giá trị quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà Trương Tú Nh vắng mặt, đại diện theo ủy quyền của bà Trương Ngọc L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 22/7/2019 bà Trương Tú Nh người đại diện những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn làm đơn xin hoãn phiên tòa để mời luật sư. Phiên tòa phúc thẩm lần 2 hôm nay (ngày 12/9/2019) bà Trương Tú Nh tiếp tục làm đơn xin hoãn phiên tòa với lý do sức khỏe không tốt, mất ngủ và xuất trình sổ khám bệnh. Xét thấy lý do bà Trương Tú Nh xin hoãn phiên tòa lần 2 không thuộc trường hợp bất khả kháng. Do được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng người kháng cáo không có mặt được xem như từ bỏ yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Trương Tú Nh.

Xét yêu cầu kháng cáo của bà Trương Ngọc L cho thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất tranh chấp là do bà Trương Thị H sang nhượng từ năm 1976 và cho bà L quản lý sử dụng, nên việc cấp sơ thẩm buộc bà L trả lại giá trị sử dụng đất cho các đồng thừa kế của bà H, ông K là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L, giữ y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm (lần 1) ngày 22/7/2019 bà Trương Tú Nh đại diện cho người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn làm đơn xin hoãn phiên tòa với lý do để có thời gian mời luật sư bảo vệ quyền lợi cho mình. Tòa phúc thẩm quyết định hoãn phiên tòa theo yêu

cầu của bà Nh, nhưng trên thực tế không có luật sư nào đăng ký bảo vệ quyền lợi cho bà Nh, đồng nghĩa là bà Trương Tú Nh không mời luật sư. Tại phiên tòa phúc thẩm (lần 2) ngày 12/9/2019 bà Trương Tú Nh tiếp tục có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do: sức khỏe không tốt, hay lo lắng mất ngủ và thường xuyên chóng mặt, kèm theo đơn là sổ khám bệnh. Xét thấy lý do bà Trương Tú Nh xin hoãn phiên tòa lần 2 không thuộc trường hợp bất khả kháng, bà Nh không nằm viện mà chỉ khám và mua thuốc. Do đó việc bà Trương Tú Nh vắng mặt lần 2 được triệu tập hợp lệ xem như bà Nh từ bỏ yêu cầu kháng cáo nên việc đại diện Viện kiểm sát đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Trương Tú Nh là đúng nên chấp nhận.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án.

Căn cứ các chứng cứ có tại hồ sơ, lời trình bày của đương sự, chính sách đất đai của Nhà nước qua các thời kỳ cho thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Trương Ngọc L trả lại giá trị quyền sử dụng đất cho những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phùng Ốc K là không có căn cứ bởi các lẽ sau:

[2.1] Xét về nguồn gốc đất: Diện tích đất tranh chấp nguyên đơn cho rằng năm 1976 bà Trương Thị H (mẹ bà Tú Nh) sang nhượng lại của bà Nguyễn Thị L sau đó cho bà Trương Ngọc L trông coi và giữ đất. Về phần mình bà Trương Ngọc L trình bày diện tích đất trên là bà L nhận chuyển nhượng của bà L1 năm 1976, nhưng lúc này Nhà nước không cho chuyển nhượng đất nên mới làm tờ bà L1 nhường đất cho bà và bà đã trực tiếp quản lý sử dụng từ năm 1976 đến nay.

Xét chứng cứ do các bên cung cấp: cả bà H và bà L đều xuất trình tờ giấy nhường đất. Tuy nhiên tờ nhường đất do bà L cung cấp có căn cứ pháp lý rõ hơn thể hiện ở chỗ: bản viết tay tờ nhường đất đề ngày 21/11/1976 có chữ ký của cụ L1, bà H, ông L2 và xác nhận của tổ trưởng ông Nguyễn Văn B. Cụ L1 chết, còn bà H, ông B đều xác nhận có ký tên vào tờ nhường đất. Còn tờ nhường đất vườn do bà Tú Nh cung cấp (*phía trên đề ngày 16/11/1976, phía dưới đề ngày 22/11/1976*) bà H, bà B có văn bản xác nhận không có ký tên vào tờ bán đứt đất vườn, ông tổ trưởng cũng không có ký xác nhận.

Xét về chính sách đất đai của Nhà nước, sau giải phóng miền Nam năm 1975, Nhà nước nghiêm cấm việc chuyển nhượng, mua bán đất dưới mọi hình thức, cho nên không cần phân tích giá trị pháp lý của các giấy tờ chuyển nhượng đất năm 1976 giữa các bên mà cái chính là xem xét ai là người trực tiếp quản lý sử dụng đất và họ thực hiện nghĩa vụ đăng ký kê khai như thế nào. Nếu cho rằng bà H mua và nhờ em của mình là bà L trông giữ còn bà H xuất cảnh đi nước ngoài thì cũng không công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H đối với diện tích đất trên.

[2.2] Thực tế cho thấy bà Trương Ngọc L là người quản lý sử dụng từ năm 1976 đến nay thể hiện ở chỗ: năm 1981 bà Trương Ngọc L làm đơn xin mở lò sản xuất gạch và được chính quyền địa phương cho phép, năm 1991 bà L tháo dỡ lò gạch cũ xây dựng lại lớn hơn và cất thêm trại gạch. Năm 1999 bà L

ký hợp đồng cho ông Nguyễn Văn H thuê toàn bộ cơ sở sản xuất gạch, thời gian thuê là 10 năm đến năm 2009.

Về nhà ở năm 1977 bà L làm đơn xin cất nhà và được chính quyền địa phương chấp thuận, bà L làm nhà kiên cố, năm 1996 được chính quyền cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất.

Bản thân bà Trương Thị H xuất cảnh đi nước ngoài, không trực tiếp quản lý sử dụng, ông Phùng Óc K (chồng bà H) cho rằng diện tích đất bà L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của vợ mình (bà H) kiện yêu cầu bà L trả lại diện tích đất trên. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện buộc bà L trả lại giá trị quyền sử dụng đất cho những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phùng Óc K là không có căn cứ, trái với quy định của pháp luật về đất đai.

[3] Từ phân tích trên, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trương Ngọc L, sửa án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Việc đại diện Viện kiểm sát đề nghị giữ y án sơ thẩm là không phù hợp với chứng cứ có tại hồ sơ nên không chấp nhận.

Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên bà Trương Thị Mai không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 312; khoản 2 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Trương Tú Nh – Người đại diện ủy quyền của những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phùng Óc K.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trương Ngọc L. Sửa án sơ thẩm số 03/2019/DSST ngày 22/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Căn cứ khoản 4 Điều 5 Luật đất đai 2003; Điều 4 Luật đất đai 2013. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phùng Óc K do bà Trương Tú Nh đại diện về việc yêu cầu hủy 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 07/02/2018 cho bà Trương Ngọc L và yêu cầu bà L trả lại đất.

Bà Trương Tú Nh phải chịu 4.000.000đ chi phí giám định và 8.831.000đ chi phí khảo sát đo đạc định giá và xem xét thẩm định tại chỗ. (đã nộp xong)

- Về án phí phúc thẩm:

Bà Trương Ngọc L không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà L tiền tạm ứng án phí đã nộp (theo biên lai thu số 0001226 ngày 01 tháng 2 năm 2019 của cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long).

Tịch thu xung công quỹ Nhà nước số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng của bà Trương Tú Nh đã nộp (theo biên lai thu số 0001220 ngày 24 tháng 01 năm 2019 của cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long).

Các nội dung khác của quyết định sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Người khởi kiện;
- Người bị kiện;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Văn